

## NỘI DUNG GHI BÀI MÔN ĐỊA LÍ 9 HKII

### **Bài 31: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

#### **\* Quy mô:**

- Gồm 6 tỉnh thành phố (.....)
- Diện tích: 23550 km<sup>2</sup> chiếm 7% so cả nước.
- Dân số: 10,9 triệu (2002) chiếm 13% .

#### **I) Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ:**

- Vị trí giới hạn:
  - + Phía bắc và tây bắc giáp: .....
  - + Phía đông giáp: .....
  - + Phía tây nam giáp: .....
  - + Phía đông nam giáp: .....
- ý nghĩa:
  - + Là cầu nối giữa Tây Nguyên với đồng bằng sông Cửu Long, giữa đất liền với biển Đông giàu tiềm năng và với các nước khác trên thế giới.
  - Là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội của các tỉnh phía Nam với cả nước và Quốc tế qua mạng lưới các loại hình giao thông.

#### **II) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

- Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên và tài nguyên thuận lợi để phát triển kinh tế cả trên đất liền và trên biển (bảng 31.1).
- Sông ngòi: có các hệ thống sông (.....) có giá trị lớn, có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ.
- Khó khăn: .....

#### **III) Đặc điểm dân cư, xã hội:**

- Là vùng đông dân cư, nguồn lao động dồi dào, lao động có trình độ tay nghề và rất năng động, sáng tạo.
- Có thị trường tiêu thụ lớn
- Mức sống trung bình của người dân cao.
- => Là địa bàn có sức thu hút mạnh đối với lao động cả nước.
- Có nhiều di tích văn hóa, lịch sử => Thuận lợi phát triển .....

### **Bài tập vận dụng**

#### **Khoanh tròn vào ý đúng:**

- 1) Đông Nam Bộ có sức hút mạnh đối với lao động cả nước là do:
  - a) Có nhiều cơ hội kiếm việc làm, thu nhập cao.
  - b) Điều kiện sống văn minh, hiện đại.
  - c) Khí hậu ẩm áp, nhiều danh lam, thắng cảnh tự nhiên đẹp nổi tiếng.
  - d) Còn nhiều vùng đất chưa được khai thác.
- 2) Bảo vệ rừng đầu nguồn, hạn chế ô nhiễm của các dòng sông trong vùng Đông Nam Bộ có ý nghĩa to lớn:

- a) Đảm bảo nguồn nước sạch cho vùng có nguy cơ ô nhiễm do đô thị phát triển, công, nông nghiệp, dịch vụ ra đời.
- b) Để tăng nguồn sinh thủy cho hệ thống sông ngòi trong vùng.
- c) Để bảo vệ đất đai đã được khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp trong vùng.
- d) Tăng diện tích đất trồng, đòi hỏi giảm nguy cơ xói mòn đất.

## **Bài 32: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ** **(TIẾP THEO)**

### **IV) Tình hình phát triển kinh tế**

#### **1) Công nghiệp:**

##### **\* Trước 1975:**

- Công nghiệp phụ thuộc vào nước ngoài(.....)
- Chỉ phát triển 1 số ngành: sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực thực phẩm, tập trung chủ yếu ở .....

##### **\* Từ 1975 -> nay:**

- Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng nhanh chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP của vùng: ..... (2002)
- Cơ cấu sản xuất cân đối gồm công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.
- Một số ngành công nghiệp hiện đại đã được hình thành, trên đà phát triển:  
.....
- Có các trung tâm công nghiệp lớn: .....

#### **2) Nông nghiệp:**

- Là vùng trồng cây công nghiệp quan trọng của cả nước (.....).
- Cả cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp hàng năm và cây ăn quả đều phát triển mạnh. Đặc biệt là : Cao su, hồ tiêu, điều, mía đường, đậu tương, thuốc lá và các loại cây ăn quả nổi tiếng.
- Chăn nuôi:  
+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo hướng công nghiệp.  
+ Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đã mang lại nguồn lợi lớn.

### **Bài tập vận dụng**

- 1) Xác định trên bản đồ vùng ĐNB các ngành công nghiệp chính và các trung tâm công nghiệp lớn của vùng?
- 2) Xác định trên bản đồ kinh tế vùng ĐNB các sản phẩm cây công nghiệp chính và sự phân bố của chúng ?Giải thích tại sao cây công nghiệp lại được trồng nhiều ở vùng này?

## **Bài 33: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ** **(TIẾP THEO)**

### **3) Dịch vụ:**

- Dịch vụ rất đa dạng: Gồm nhiều hoạt động dịch vụ như thương mại, gtv, du lịch...
- Tỷ trọng các loại hình dịch vụ có nhiều biến động.
- ..... là đầu mối gtv quan trọng hàng đầu của ĐNB và của cả nước, và luôn dẫn đầu về hoạt động xuất nhập khẩu của vùng.
- ĐNB có sức hút mạnh với nguồn đầu tư của nước ngoài chiếm 50,1% so với cả nước.

### **V) Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.**

- Các trung tâm kinh tế: ..... => Tam giác kinh tế mạnh của vùng ĐNB và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:
  - + Quy mô: Gồm ..... tỉnh thành, S 28000 km<sup>2</sup>, dân số ..... triệu người (2002).
  - + Có vai trò quan trọng đối với ĐNB, các tỉnh phía Nam và với cả nước.

### **Bài tập vận dụng**

- 1) ĐNB có những điều kiện thuận lợi gì để phát triển các ngành dịch vụ? Hãy chứng minh sự phát triển đa dạng và năng động của các ngành dịch vụ trong vùng?
- 2) Xác định vị trí vùng kinh tế trọng điểm phía Nam? Nêu vai trò ý nghĩa của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

## **Bài 34: THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM Ở ĐÔNG NAM BỘ**

### **I) Bài tập 1: Vẽ biểu đồ cột đơn.**

#### **1) Chọn tỉ lệ:**

- Trục dọc: Tỉ lệ % : 100% = 10 cm + 1cm đầu mũi tên => dài 11 cm.
- Trục ngang: Các ngành công nghiệp : 7 ngành = 7 cột = 7 cm + khoảng cách giữa các cột 6 k/c.0,5 cm = 3 cm + k/c đầu, cuối = 1 cm => dài 11 cm.

#### **2) Vẽ biểu đồ cột đơn:**

##### **a) Quy trình vẽ biểu đồ cột:**

- **B1:** Chọn tỉ lệ thích hợp: Căn cứ vào số liệu đầu bài và khổ giấy vẽ để chọn tỉ lệ sao cho đảm bảo các yêu cầu trục quan và tính thẩm mỹ.
- **B2:** Kẻ hệ trục tọa độ vuông góc: Trục dọc thể hiện đơn vị các đại lượng (tỉ lệ %, ...). Trục ngang thể hiện năm hoặc các đối tượng khác.

- **B3:** Tính độ cao của từng cột cho đúng với tỉ lệ đã lấy rồi vẽ từng cột theo thứ tự.

- **B4:** Hoàn thiện biểu đồ: Ghi các trị số tương ứng vào các cột (Ghi giá trị độ lớn vào đỉnh cột, ghi năm vào chân cột)

Vẽ kí hiệu vào cột (nếu cần) và lập bảng chú giải. Ghi tiêu đề biểu đồ.

**b) Vẽ biểu đồ cột:**

**II) Bài tập 2:** Phân tích bảng số liệu và biểu đồ => Rút ra nhận xét

Ngành	Sản phẩm	Nguồn NL có sẵn	Cần nhiều LD	Đòi hỏi KT cao
Năng lượng	Dầu thô	X		X
Điện	Điện sx	X		X
Cơ khí đử	Lắp ráp tivi			X
Hóa chất	Phân đạm	X		X
VLXD	Xi măng	X		
Dệt may	Vải lụa		X	
CBTP	Bột ngọt	X		

**Vai trò của vùng Đông Nam Bộ trong phát triển công nghiệp của cả nước:**

- ĐNB có tam giác công nghiệp mạnh: ..... tập trung nhiều khu công nghiệp và nhiều ngành công nghiệp quan trọng: KT dầu khí, điện, luyện kim, sx vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, công nghiệp CBLTTP, hóa chất...

- Một số sản phẩm công nghiệp giữ vai trò chi phối nền kinh tế đất nước:

.....  
 .....

- Vùng đứng đầu cả nước về hàng xuất - nhập khẩu và thu hút vốn đầu tư của nước ngoài cũng như nguồn lao động từ các vùng khác trong cả nước.

- Tỉ trọng công nghiệp của vùng chiếm tới .....% trong cơ cấu kinh tế của vùng và chiếm tỉ trọng lớn so với cả nước 54,8% (1999).

- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm ..... có sản xuất công nghiệp đa dạng, phát triển năng động => vùng đã thúc đẩy công nghiệp cả nước phát triển. Vùng có vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp của cả nước.

**Bài 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**\* Quy mô:**

- Gồm có 13 tỉnh thành
- Diện tích: 39734 km<sup>2</sup> chiếm 12% so cả nước.
- Dân số: 16,7 triệu(2002) chiếm 21%

## **I) Vị trí địa lí giới hạn lãnh thổ:**

- Vị trí địa lí giới hạn:

- + Phía bắc và tây bắc giáp: .....
- + Phía đông bắc giáp: .....
- + Phần còn lại giáp: .....

-ý nghĩa:

+ Thuận lợi phát triển cả kinh tế biển và trên đất liền.

+ Mở rộng hợp tác quan hệ giao lưu với các vùng khác, với các nước khác trong tiểu vùng sông Mê Kông và với các nước khác trên thế giới.

## **II) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:**

### **1) Thuận lợi:**

- Địa hình .....
- Khí hậu .....
- Sông ngòi: Nguồn nước phong phú. Đặc biệt vai trò to lớn của sông .....
- Tài nguyên đa dạng, phong phú cả trên cạn và dưới nước: Đất, rừng, thủy hải sản...

### **2) Khó khăn:**

- Diện tích đất phèn, đất mặn cần được cải tạo.
- Lũ, lụt vào mùa mưa. Thiếu nước mùa khô, nguy cơ xâm nhập mặn...

### **3) Giải pháp:**

- Thoát lũ, cải tạo đất thau chua, rửa mặn. Tăng cường hệ thống thủy lợi
- Chủ động sống chung với lũ và khai thác lợi thế vùng sông nước.

## **III) Đặc điểm dân cư - xã hội:**

- Là vùng đông dân, mật độ dân số tương đối cao
- Gồm có các dân tộc: .....
- Người dân thích ứng nhanh, linh hoạt với sản xuất hàng hóa kinh tế thị trường
- Mật bằng dân trí chung chưa cao.

## **Bài tập vận dụng**

1) Xác định vị trí giới hạn vùng đồng bằng sông Cửu Long trên bản đồ? Nêu ý nghĩa của vị trí đó?

2) Nêu thế mạnh về 1 số tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long?

## **Bài 36: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (tiếp)**

## **IV) Tình hình phát triển kinh tế:**

### **1) Nông nghiệp:**

#### **a) Sản xuất lương thực:**

- Chiếm tỉ trọng lớn cả về diện tích (51,1%) và sản lượng (51,4%) lúa so với cả nước
- Sản lượng bình quân năm 2002 là: ..... kg/người lớn nhất cả nước.
- Lúa được trồng nhiều ở các tỉnh ven .....
- ý nghĩa:
  - + Là vùng trọng điểm sản xuất lương thực lớn nhất cả nước.
  - + Giữ vai trò hàng đầu trong việc đảm bảo an toàn lương thực của cả nước.
  - + Là vùng xuất khẩu gạo chủ lực của nước ta.

### **b) Khai thác và nuôi trồng thủy sản:**

- Tổng sản lượng thủy sản chiếm hơn .....% so với cả nước. Nhiều nhất là các tỉnh: .....
- Nghề nuôi trồng thủy sản đang phát triển mạnh. Đặc biệt là nuôi tôm, cá xuất khẩu.
- Ngoài ra nghề rừng giữ vai trò quan trọng, đặc biệt là rừng ngập mặn.

### **2) Công nghiệp:**

- Tỉ trọng công nghiệp trong GDP của vùng còn thấp: chiếm 20% năm 2002.
- Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp của vùng: chiếm 65,0% (năm 2000)
- Trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng là : TP ..... có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp.

### **3) Dịch vụ:**

- Gồm các hoạt động : .....
- Xuất khẩu chủ lực là : Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả.
- Giao thông đường thủy có vai trò quan trọng trong đời sống sản xuất của nhân dân trong vùng.
- Du lịch sinh thái bắt đầu khởi sắc.

### **V) Các trung tâm kinh tế:**

- ..... là trung tâm kinh tế lớn nhất vùng.

## **Bài tập vận dụng**

Khoanh tròn vào ý đúng:

1) Sản lượng lương thực ĐB sông Cửu Long chiếm tỉ lệ so với cả nước là:

- a) 51,3%
- b) 51,5%
- c) 51,1%
- d) 51,4%

2) Sản xuất lương thực của ĐB sông Cửu Long có ý nghĩa là:

- a) Là vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước.
- b) Cây lương thực chiếm ưu thế tuyệt đối trong sản xuất nông nghiệp.
- c) Giải quyết được vấn đề an ninh lương thực và xuất khẩu lương thực.
- d) Tất cả các ý kiến trên.

3) Tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP của vùng là:

- a) 30%
- b) 20%
- c) 25%
- d) 23%

4) Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất vùng vì:

- a) Có vị trí thuận lợi : cách TP HCM 200km
- b) Có cơ sở sản xuất công nghiệp Trà Nóc lớn nhất vùng.  
Có cảng Cần Thơ vừa là cảng nội địa vừa là cửa ngõ của các nước tiểu vùng sông Mê Kông.
- d) Tất cả các ý kiến trên.

### **Bài 37: THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH THỦY SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I) Bài tập 1:** Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở ĐB sông Cửu Long và ĐB sông Hồng và so với cả nước.

**a) Xử lý bảng số liệu:**

SLượng	ĐBSCL	ĐBSH	Cả nước
Cá KT	41,5%	4,6%	100%
Cá nuôi	58,4%	22,8%	100%
Tôm n	76,7%	3,9%	100%

**b) Vẽ biểu đồ:**

**c) Nhận xét:**

- Tỉ trọng cá khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở ĐB sông Cửu Long vượt xa so với ĐB sông Hồng.
- ĐB sông Cửu Long là vùng sản xuất thủy sản lớn nhất cả nước

**II) Bài tập 2:** Phân tích biểu đồ và bảng số liệu:

**a) Thế mạnh của ĐB sông Cửu Long để phát triển ngành thủy sản:**

\* Về điều kiện tự nhiên:

- Có diện tích mặt nước rộng cả trên đất liền và trên biển.
- Thủy sản dồi dào, có các bãi cá, tôm trên biển rộng lớn.

\* Nguồn lao động:

- Có kinh nghiệm nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.
- Thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, nhạy cảm trong sản xuất và kinh doanh thủy sản.
- Có số lao động đáng kể hoạt động trong nuôi trồng và khai thác thủy sản.

\* Cơ sở chế biến: Có nhiều cơ sở chế biến thủy sản để xuất khẩu

\* Thị trường: Có các thị trường tiêu thụ rộng lớn: EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ... đã kích thích nghề thủy sản phát triển.

**b) Thế mạnh của nghề nuôi tôm xuất khẩu của vùng là:**

- Có các điều kiện tự nhiên thuận lợi
- Nuôi tôm mang lại lợi nhuận lớn => Người dân sẵn sàng đầu tư, tiếp thu KHKH và công nghệ mới áp dụng nuôi tôm xuất khẩu.
- Có thuận lợi về nguồn lao động, cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

**c) Khó khăn mà vùng gặp phải:**

- Đầu tư đánh bắt xa bờ còn có nhiều hạn chế.
  - Công nghiệp chế biến chất lượng cao chưa được đầu tư nhiều.
  - Khó khăn trong việc chủ động nguồn giống an toàn, hiệu quả, chất lượng cao.
- Trong việc chủ động thị trường và tránh các rào cản của các nước nhập khẩu thủy sản của VN.

làm bài thực hành 37 trong bài tập bản đồ thực hành

**Bài 38: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO**

**I) Biển và Đảo Việt Nam.**

**1) Vùng biển nước ta:**

- VN có đường bờ biển dài( > 3260km) và vùng biển rộng.(1 triệu km<sup>2</sup>.)
- Bao gồm các bộ phận:
  - + Vùng .....
  - + Vùng .....
  - + Vùng .....
  - + Vùng .....
  - + Vùng .....

**2) Các đảo và quần đảo:**

- Ven biển nước ta có >3000 hòn đảo lớn nhỏ.
- Có 2 quần đảo lớn là .....
- Vai trò ý nghĩa của biển VN:
  - + Vùng biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển tổng hợp kinh tế biển.
  - + Có nhiều lợi thế trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới.
  - + Các đảo và quần đảo là những vọng gác tiền tiêu bảo vệ ở phía đông của phần đất liền.

**II) Phát triển tổng hợp kinh tế biển:**

- Các ngành kinh tế biển:
  - + Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản
  - + Du lịch biển đảo
  - + Khai thác và chế biến khoáng sản biển
  - + Giao thông vận tải biển

Ngành	1) Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản	2) Du lịch biển đảo
Tiềm năng	- Có nhiều đkTN thuận lợi: Biển ấm, ngư trường rộng, bờ biển dài, nhiều đầm, phá, vũng, vịnh..	- VN có nguồn tài nguyên du lịch biển đảo phong phú: + Dọc bờ biển nước ta từ Bắc ->

	<p>- Nguồn tài nguyên thủy sản phong phú:  + Có &gt; 2000 loài cá (110 loài có giá trị xk cao),  + Có &gt; 100 loài tôm (1 số loài có giá trị)  + Ngoài ra còn nhiều loài đặc sản: hải sâm, bào ngư, sò huyết, cá ngựa...</p>	<p>Nam có &gt; 120 bãi cát rộng, dài, phong cảnh đẹp =&gt; Thuận lợi XD các khu du lịch và nghỉ dưỡng...  + Có nhiều bãi tắm nổi tiếng, nhiều đảo ven bờ có phong cảnh kì thú, có di tích lịch sử...hấp dẫn khách du lịch: Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.</p>
Tình hình phát triển	<p>- Tổng trữ lượng hải sản khai thác: khoảng 4 triệu tấn (95,5% là cá biển). Trữ lượng cho phép khai thác hàng năm là 1,9 triệu tấn: Gần bờ có khả năng khai thác 500.000 tấn còn lại là xa bờ.=&gt; Ngành thủy sản đã phát triển tổng hợp cả khai thác - nuôi trồng - chế biến hải sản.</p>	<p>- Một số trung tâm du lịch đang phát triển nhanh: Quảng Ninh, Nha Trang, Vũng Tàu...  - Mới chỉ chú trọng đến du lịch tắm biển và du lịch sinh thái biển đảo</p>
Hạn chế	<p>- Hạn chế: Hoạt động khai thác còn nhiều bất cập: Khai thác gần bờ vượt quá khả năng cho phép, trong khi đánh bắt xa bờ chỉ đạt 1/5 khả năng cho phép.</p>	<p>- Hạn chế: Các hoạt động du lịch khác còn ít được chú trọng, mặc dù tiềm năng rất lớn.</p>
Hướng phát triển	<p>- Hướng phát triển: Ưu tiên đánh bắt xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ven bờ, ven đảo, và trên biển. Phát triển đồng bộ và hiện đại công nghiệp chế biến</p>	<p>- Hướng phát triển: Đẩy mạnh phát triển tổng hợp các hoạt động du lịch biển: Du thuyền, lướt ván, lặn, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, nghỉ dưỡng...</p>

### **Bài tập vận dụng**

- 1) Tại sao cần phải ưu tiên đánh bắt xa bờ? (còn nhiều tiềm năng)
- 2) Việc phát triển công nghiệp chế biến hải sản có tác dụng như thế nào tới đánh bắt và nuôi trồng hải sản? (chế biến khối lượng lớn, tăng giá trị sản phẩm, tăng nguồn hàng xuất khẩu, ổn định thị trường, tăng thu nhập... => thúc đẩy khai thác và nuôi trồng hải sản phát triển)
- 3) Hãy xác định trên bản đồ từ Bắc -> Nam dọc ven biển VN có những bãi tắm nào nổi tiếng?
- 4) Chúng ta có tiềm năng phát triển những ngành du lịch biển nào khác?

## **Bài 39: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO (tiếp)**

Ngành	<b>3) Khai thác và chế biến khoáng sản</b>	<b>4) Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển</b>
Tiềm năng	- Có nguồn muối không lồ - Có nhiều bãi cát lớn - Có nguồn dầu khí, khí đốt	- Nằm gần nhiều tuyến đường biển Quốc tế quan trọng nối ..... với ..... - Ven biển có nhiều vũng, vịnh, cửa sông => .....
Tình hình phát triển	- Nghề muối đã phát triển từ lâu đời ( ..... ) - Cát trắng có giá trị cho công nghiệp ..... - Dầu khí là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm vị trí hàng đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đã và đang phát triển thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển .	- Có > 90 cảng biển lớn nhỏ - Đội tàu biển được tăng cường mạnh mẽ - Phát triển giao thông đường biển giữa các địa phương ven biển và với các nước khác trên thế giới. - Dịch vụ hàng hải đã và đang được chú trọng phát triển đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - quốc phòng.
Hạn chế	- Lao động có tay nghề còn thiếu, công nghệ khoa học chưa cao, gây ô nhiễm môi trường.	- Các phương tiện vận tải của ta chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển - Việc xây dựng hệ thống các cảng chưa khoa học, chưa đáp ứng được nhu cầu .
Hướng phát triển	- Xây dựng khu công nghiệp hóa dầu, công nghiệp chế biến khí đốt.	- Phát triển nhanh đội tàu biển. Hình thành 3 cụm đóng tàu lớn ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ - Phát triển toàn diện dịch vụ hàng hải

- Khai thác và chế biến khoáng sản biển, đặc biệt là dầu khí là 1 trong những ngành công nghiệp hàng đầu ở VN.
- Giao thông vận tải biển đang phát triển mạnh cùng với quá trình nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới.
- Khai thác và chế biến khoáng sản biển, đặc biệt là dầu khí là 1 trong những ngành công nghiệp hàng đầu ở VN.
- Giao thông vận tải biển đang phát triển mạnh cùng với quá trình nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

### **III) Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo:**

## **1) Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển- đảo.**

- Thực trạng:

- + Diện tích rừng ngập mặn giảm
- + Sản lượng đánh bắt giảm
- + Một số loại hải sản có nguy cơ bị tuyệt chủng
- + Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng rõ rệt.

- Hậu quả:

- + ảnh hưởng đến chất lượng của nhiều vùng biển nước ta.
- + Giảm sút tài nguyên sinh vật biển
- + ảnh hưởng tới chất lượng các khu du lịch biển

## **2) Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên môi trường biển - đảo.**

- 5 biện pháp:

.....

.....

.....

.....

.....

### **Bài tập vận dụng**

1) Chúng ta cần tiến hành những biện pháp gì để phát triển giao thông vận tải biển?

2) Trình bày những phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo?

## **Bài 40: THỰC HÀNH: ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA CÁC ĐẢO VEN BỜ VÀ TÌM HIỂU VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ**

### **I) Bài tập 1: Đánh giá tiềm năng kinh tế của các đảo ven bờ**

TT	Tên các đảo	Các hoạt động kinh tế biển			
		Nông, lâm	Ngư nghiệp	Du lịch	Dịch vụ
1	Cái Bầu		X		X
2	Cát Bà	X	X	X	X
3	Cô Tô	X	X		
4	Côn Đảo	X	X	X	X
5	Cù Lao Chàm		X		
6	Các đảo Vịnh Hạ Long			X	
7	Các đảo Vịnh Nha Trang			X	
8	Hòn Khoai		X		X
9	Hòn Rái		X		

10	Thổ Chu		X		X
11	Lí Sơn	X	X		
12	Phú Quốc	X	X	X	X
13	Phú Quý	X	X		X
14	Trà Bản				X

=> Có 3 đảo có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển: Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc. Phát triển về các ngành Nông-lâm-ngư nghiệp, du lịch, dịch vụ biển.

**II) Bài tập 2:** Nhận xét tình hình khai thác, xuất khẩu dầu thô, nhập khẩu xăng dầu và chế biến dầu khí ở nước ta.

**1) Tình hình khai thác:**

- Nước ta có trữ lượng dầu khí lớn. Sản lượng khai thác ngày càng tăng. Năm 1999 SLKT 15,2 triệu tấn -> 2002 đạt 16,9 triệu tấn: Tăng 1,7 triệu tấn.

**2) Tình hình xuất khẩu:**

- Đây là 1 mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong những năm qua.

- Gần như toàn bộ dầu khai thác được đều đem xuất khẩu ở dạng thô

=> Chứng tỏ ngành công nghiệp chế biến dầu khí chưa phát triển, đó chính là điểm yếu của ngành công nghiệp dầu khí nước ta.

**3) Tình hình nhập khẩu xăng dầu:**

- Nước ta vẫn phải nhập khẩu xăng dầu đã qua chế biến với số lượng ngày càng tăng, giá cả lại rất cao gấp nhiều lần so với giá xuất khẩu dầu thô.

**4) Công nghiệp chế biến dầu khí ở nước ta:**

- Chưa phát triển. Hiện nay mới đang có những dự án: Hóa dầu ở Dung Quất (Quảng Ngãi) và "khí- điện - đạm" ở Cà Mau.